

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**PHẠM THỊ HỒNG**

**HIỆU QUẢ KINH TẾ TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ CHÈ  
THEO TIÊU CHUẨN VIETGAP CỦA CÁC HỘ NÔNG DÂN  
TẠI THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**  
**CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ NÔNG NGHIỆP**

**THÁI NGUYÊN - 2016**

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**PHẠM THỊ HỒNG**

**HIỆU QUẢ KINH TẾ TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ CHÈ  
THEO TIÊU CHUẨN VIETGAP CỦA CÁC HỘ NÔNG DÂN  
TẠI THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

**Chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp**

**Mã số: 60.62.01.15**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. BÙI NỮ HOÀNG ANH**

**THÁI NGUYÊN - 2016**

**LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan luận văn thạc sĩ “*Hiệu quả kinh tế trong sản xuất và tiêu thụ chè theo tiêu chuẩn VietGAP của các hộ nông dân tại thành phố Thái Nguyên*” là công trình nghiên cứu độc lập của riêng tôi, không sao chép bất kỳ một công trình nghiên cứu nào của các tác giả khác. Các số liệu, kết quả nêu trong đề tài này là trung thực, các tài liệu tham khảo có nguồn gốc trích dẫn rõ ràng.

**Tác giả luận văn**

**Phạm Thị Hồng**

## LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận văn này, tôi đã nhận được sự giúp đỡ, động viên khích lệ của nhiều tổ chức, cá nhân, của các nhà khoa học, của bạn bè, đồng nghiệp và gia đình.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Ban Giám hiệu trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Bộ phận Quản lý Đào tạo Sau Đại học - Phòng Đào tạo, các Thầy Cô giáo Khoa Kinh tế, các Thầy Cô giáo bộ môn Thống kê - Kinh tế lượng thuộc trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi về mọi mặt trong suốt quá trình hoàn thành luận văn. Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với TS. Bùi Nữ Hoàng Anh - người hướng dẫn khoa học đã tận tình giúp đỡ tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn này.

Tôi xin gửi lời cảm ơn tới Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thái Nguyên, Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên, UBND, các cán bộ chuyên môn và các hộ dân tại các xã: Tân Cương, Phúc Xuân, Phúc Trìu, Quyết Thắng, Phúc Hà, Thịnh Đức, Cao Ngạn thuộc Thành phố Thái Nguyên đã tạo điều kiện cho tôi tiến hành nghiên cứu.

Cuối cùng, tôi xin cảm ơn gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã động viên, khích lệ, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập và hoàn thành luận văn này.

*Xin trân trọng cảm ơn!*

**Tác giả luận văn**

**Phạm Thị Hồng**

## MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN .....	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC .....	iii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT .....	vi
DANH MỤC BẢNG .....	vii
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
4. Ý nghĩa khoa học và đóng góp của luận văn.....	3
5. Bố cục của luận văn .....	4
<b>Chương 1: CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ HIỆU QUẢ KINH TẾ TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ CHÈ THEO TIÊU CHUẨN VIETGAP</b> .....	<b>5</b>
1.1. Cơ sở lý luận.....	5
1.1.1. Sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP.....	5
1.1.2. Hiệu quả kinh tế trong sản xuất và tiêu thụ nông sản .....	10
1.1.3. Hiệu quả kinh tế trong sản xuất và tiêu thụ chè theo tiêu chuẩn VietGAP của các hộ nông dân .....	14
1.2. Cơ sở thực tiễn.....	20
1.2.1. Kinh nghiệm một số quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) trên thế giới.....	20
1.2.2. Kinh nghiệm về nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất và tiêu thụ chè VietGAP ở một số địa phương của Việt Nam.....	21
1.3. Tổng quan tài liệu nghiên cứu .....	25
<b>Chương 2: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU</b> .....	<b>27</b>
2.1. Câu hỏi nghiên cứu .....	27
2.2. Cách tiếp cận nghiên cứu.....	27
2.2.1. Tiếp cận có sự tham gia .....	27

2.2.2. Tiếp cận theo loại hình hộ .....	27
2.2.3. Tiếp cận theo phương thức sản xuất .....	28
2.3. Giả thuyết nghiên cứu .....	28
2.4. Phương pháp nghiên cứu .....	28
2.4.1. Chọn địa điểm nghiên cứu.....	28
2.4.2. Xác định dung lượng mẫu .....	30
2.4.3. Phương pháp thu thập thông tin .....	31
2.4.4. Phương pháp xử lý thông tin .....	31
2.4.5. Phương pháp phân tích thông tin .....	31
2.5. Hệ thống chỉ tiêu phân tích.....	32
2.5.1. Những chỉ tiêu phản ánh kết quả kinh tế trong sản xuất và tiêu thụ chè .....	32
2.5.2. Những chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh tế trong sản xuất chè.....	33
<b>Chương 3: THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ KINH TẾ TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ CHÈ THEO TIÊU CHUẨN VIETGAP CỦA CÁC HỘ NÔNG DÂN TẠI THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN.....</b>	<b>36</b>
3.1. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu .....	36
3.1.1. Điều kiện tự nhiên và tình hình kinh tế- xã hội của thành phố Thái Nguyên .....	36
3.1.2. Một số thông tin chung về sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè tại tỉnh Thái Nguyên .....	43
3.2. Thông tin chung về tình hình sản xuất và tiêu thụ chè của các hộ được điều tra.....	46
3.2.1. Đặc điểm chung.....	46
3.2.2. Cơ cấu giống chè.....	48
3.2.3. Tình hình diện tích, năng suất, sản lượng chè của hộ.....	50
3.2.3. Tình hình chế biến chè.....	52
3.3. Hiệu quả sản xuất và tiêu thụ chè của các hộ nông dân được điều tra.....	53
3.3.1. Kết quả sản xuất của các hộ nông dân được điều tra .....	53
3.3.2. Hiệu quả kinh tế sản xuất chè của các hộ được điều tra .....	61
3.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất và tiêu thụ chè theo tiêu chuẩn VietGAP của các hộ nông dân được điều tra .....	70

3.3.4. Hiệu quả xã hội của sản xuất và tiêu thụ chè theo tiêu chuẩn VietGAP .....	72
3.3.5. Hiệu quả môi trường của sản xuất và tiêu thụ chè theo tiêu chuẩn VietGap .....	73
3.4. Đánh giá thực trạng sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn nghiên cứu .....	74
3.4.1. Kết quả đạt được .....	74
3.4.2. Tồn tại, hạn chế trong sản xuất, tiêu thụ chè theo tiêu chuẩn VietGAP và nguyên nhân .....	76
<b>Chương 4: GIẢI PHÁP VÀ GỢI Ý CHÍNH SÁCH .....</b>	<b>83</b>
4.1. Căn cứ đề xuất giải pháp.....	83
4.1.1. Bối cảnh và xu hướng phát triển nông sản an toàn .....	83
4.1.2. Quy hoạch vùng chè an toàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 .....	84
4.1.3. Kết quả nghiên cứu thực trạng .....	87
4.2. Giải pháp và gợi ý chính sách nhằm phát huy hiệu quả kinh tế của phương thức sản xuất, tiêu thụ chè theo tiêu chuẩn VietGAP tại Thành phố Thái Nguyên.....	87
4.2.1. Giải pháp đối với hộ nông dân .....	87
4.2.2. Giải pháp về kỹ thuật .....	89
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>96</b>
1. Kết luận .....	96
2. Kiến nghị .....	98
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>101</b>
<b>PHỤ LỤC.....</b>	<b>103</b>

**DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

<b>Dạng viết tắt</b>	<b>Dạng đầy đủ</b>
ĐVT	: Đơn vị tính
ĐVDT	: Đơn vị diện tích
BQ	: Bình quân
Chè CTC	: Chè đen được chế biến theo quy trình nghiền, xé, vò xoắn lại
Chè OTD	: Trà đen chính thống
CD	: Chuyển đổi
HTX	: Hợp tác xã
NN& PTNT	: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
QSEAP	: Dự án nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học của Bộ NN&PTNT
SX	: Sản xuất
SX TTC VietGAP	: Sản xuất theo tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt tại Việt Nam
UBND	: Ủy ban nhân dân
VietGAP	: Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt tại Việt Nam



## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Hướng dẫn bón phân cho nương chè sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP với sản lượng trung bình 10-15 tấn/ha.....	7
Bảng 2.1: Bảng tổng hợp diện tích chè của các xã thuộc TP Thái Nguyên.....	29
Bảng 3.1: Đặc điểm chung của các hộ điều tra.....	47
Bảng 3.2: Cơ cấu giống chè của các hộ .....	48
Bảng 3.3: Tình hình sản xuất chè của hộ theo loại hình sản xuất.....	50
Bảng 3.4: So sánh các giá trị bình quân giữa hai nhóm hộ: sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP (nhóm A) và sản xuất chè không theo tiêu chuẩn VietGAP (nhóm B).....	51
Bảng 3.5 : Kết quả sản xuất chè của hộ theo loại hình sản xuất.....	54
Bảng 3.6a: So sánh kết quả sản xuất giữa hai nhóm hộ: SX theo tiêu chuẩn VietGap và SX không theo tiêu chuẩn VietGap.....	55
Bảng 3.6b: So sánh kết quả sản xuất của nhóm hộ SX theo tiêu chuẩn VietGap (lúc trước chuyển đổi với sau chuyển đổi) .....	56
Bảng 3.7: Chi phí sản xuất chè của hộ phân theo loại hình sản xuất.....	57
Bảng 3.8: So sánh về một số loại chi phí trong sản xuất chè giữa hai nhóm hộ: sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và sản xuất không theo tiêu chuẩn VietGAP .....	59
Bảng 3.9: Bảng kết quả, hiệu quả kinh tế sản xuất chè của các hộ sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP (trước chuyển đổi và sau chuyển đổi) .....	62
Bảng 3.10: Hiệu quả kinh tế sản xuất chè của nhóm hộ sản xuất không theo tiêu chuẩn VietGAP .....	64
Bảng 3.11: So sánh hiệu quả kinh tế của nhóm hộ sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP trước chuyển đổi và sau chuyển đổi .....	67
Bảng 3.12: So sánh hiệu quả kinh tế giữa hai nhóm hộ: sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và sản xuất không theo tiêu chuẩn VietGAP .....	69
Bảng 4.1: Dự kiến diện tích chè an toàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 .....	85
Bảng 4.2: Dự kiến diện tích, sản lượng chè an toàn TP. Thái Nguyên đến năm 2020.....	86

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

Chè là cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao, có vị trí quan trọng trong đời sống sinh hoạt và đời sống kinh tế, văn hóa của con người. Sản phẩm chè hiện nay được tiêu dùng ở khắp các nước trên thế giới, kể cả các nước không trồng chè cũng có nhu cầu lớn về chè. Đối với nước ta, sản phẩm chè không chỉ được tiêu dùng nội địa mà còn là mặt hàng xuất khẩu quan trọng để thu ngoại tệ, góp phần làm tăng giá trị tổng sản phẩm của nền kinh tế.

Xét về sản lượng chè xuất khẩu, Việt Nam là nước đứng thứ 5 trên thế giới về xuất khẩu chè. Chè không những là mặt hàng xuất khẩu quan trọng tạo ra nguồn thu ngoại tệ lớn cho ngân sách nhà nước mà còn là loại cây trồng mang lại thu nhập và việc làm ổn định cho người sản xuất.

Tuy nhiên, sản xuất chè hiện nay đang có những hạn chế ảnh hưởng tới việc tiêu thụ chè của nước ta. Do nhận thức không đầy đủ, người sản xuất chè đã và đang sử dụng thái quá phân vô cơ và thuốc bảo vệ thực vật, để lại một khối lượng lớn các chất hóa học tồn dư trong đất, nước, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và sức khỏe con người. Bên cạnh đó, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế việc xuất khẩu trở nên dễ dàng hơn do các hàng rào thuế quan dần được gỡ bỏ, nhưng lại bị hạn chế bởi việc xuất hiện thêm nhiều hàng rào kỹ thuật khắt khe, đặc biệt là vấn đề an toàn thực phẩm đối với các mặt hàng nông sản.

Trong bối cảnh đó, sản xuất chè an toàn đang được coi như một yêu cầu tất yếu trong giai đoạn hiện nay. Phát triển các vùng chè an toàn, tập trung đáp ứng yêu cầu sản xuất an toàn theo hướng thực hành nông nghiệp tốt là một trong những hướng đi của ngành chè nhằm vượt qua các khó khăn, thách thức trên. Chè VietGAP là sản phẩm chè an toàn, có quy trình sản xuất nghiêm ngặt từ khâu chăm sóc, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm.

Thái Nguyên là vùng chè trọng điểm của cả nước, với diện tích chè hơn 18.500ha, trong đó có gần 17.000ha chè kinh doanh [13]. Từ năm 2009, mô hình đầu tiên sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP đã được thực hiện ở xã Hòa Bình (Đồng Hỷ), sau đó tiếp tục được triển khai tại một số địa phương trong tỉnh [15]. Song, quá